

GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT - HOA QUA NGHIÊN CỨU VĂN BIA (TRỌNG TÂM TẠI TỈNH HƯNG YÊN)

BÙI QUANG HÙNG*

Tóm tắt: Từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, làn sóng di cư của người Hoa đến Việt Nam diễn ra liên tục, từ đó hình thành lên các khu dân cư người Hoa ở Việt Nam. Ở đồng bằng Bắc Bộ, người Hoa sống tập trung nhiều tại các địa phương như Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Thái Bình và Hải Phòng. Sau khi đến Việt Nam, được sự cho phép của chính quyền sở tại, người Hoa thường quy tụ thành một khu làng (phố) riêng biệt với người bản địa. Tuy không gian sinh sống của hai nhóm cộng đồng Việt Hoa có sự tách biệt, nhưng điều đó không làm cản trở quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa giữa hai cộng đồng người Việt - Hoa, ngược lại nó vẫn diễn ra liên tục và kéo dài suốt mấy thế kỷ. Thông qua khảo sát tư liệu văn bia Hán Nôm ở đồng bằng Bắc Bộ, trọng tâm là tỉnh Hưng Yên, bài viết thảo luận mục đích và ý nghĩa của việc tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của hai cộng đồng Việt - Hoa từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: tín ngưỡng dân gian, giao lưu văn hóa, văn bia Hán Nôm, Hưng Yên

Abstract: From the 17th century to the beginning of the 20th century, the waves of Chinese immigration to Vietnam occurred continuously, thereby forming many Chinese residential areas in Vietnam. They lived mostly in towns located in the Northern Delta region such as Hung Yen, Nam Dinh, Hanoi, Thai Binh, and Hai Phong. After coming to Vietnam, Chinese immigrants often gathered and formed towns or villages of their own separate from the locals. Even though lived separately, the two communities, Chinese immigrants and Vietnamese people, did not halt the cultural exchange. In fact, they kept it activating for centuries. This research investigates the Han Nom tablet inscriptions in the Northern Delta region, centers on Hung Yen province, to discuss the purpose and meaning of the mutual reception of the folk belief between the local Vietnamese people and Chinese immigrants from the 17th century to the beginning of the 20th.

Keyword: Folk belief, cultural exchange, Han Nom tablet inscriptions, Hung Yen province

1. Đề dẫn

Lịch sử giao lưu văn hóa Việt - Hoa trải dài qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, ở mỗi giai đoạn lịch sử, sự tiếp nhận giao thoa văn hóa lại có những điểm khác nhau, từ đó tạo nên một dấu ấn riêng trong lịch sử giao lưu văn hóa. Giai đoạn từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX là một giai đoạn có nhiều dấu ấn

giao lưu văn hóa Việt - Hoa. Khác với những giai đoạn trước đây, khi văn hóa Hán được truyền vào Việt Nam qua con đường chính trị, bằng hình thức ép buộc lẫn tự nguyện. Ở giai đoạn thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, văn hóa người Hoa

* TS., Khoa Ngữ văn Đông Á, Trường Đại học Quốc lập Cao Hùng Đài Loan (Trung Quốc).

được truyền vào Việt Nam chủ yếu qua con đường thương mại và di dân. Từ giai đoạn cuối nhà Minh đầu nhà Thanh đến đầu thế kỷ XX, cộng đồng người Hoa di cư sang Việt Nam với một số lượng tương đối lớn. Sau khi được chế độ quân chủ Việt Nam cho phép người Hoa định cư sinh sống quần tụ cùng nhau theo từng làng (phố), do vậy, về cơ bản văn hóa người Hoa vẫn có không gian sinh hoạt văn hóa riêng. Tuy nhiên, trong quá trình ngụ cư, qua thương mại, hôn nhân và giao tiếp, người Hoa và người Việt bản địa luôn có những cơ hội giao lưu tiếp xúc lẫn nhau, từ đó văn hóa của người Hoa dần được cộng đồng người Việt biết đến và đón nhận. Ngược lại, cộng đồng người Hoa khi đến Việt Nam đã chủ động đón nhận văn hóa Việt Nam, từ đó xóa đi khoảng cách chủ-khách và tạo nên một sự giao thoa hài hòa giữa hai cộng đồng.

Như đã trình bày ở trên, ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ, người Hoa sống tập trung ở Phố Hiến (Hưng Yên), Nam Định, Hà Nội, Thái Bình và Hải Phòng. Sau khi đến Việt Nam sinh sống và buôn bán, cộng đồng người Hoa được sự cho phép của chế độ quân chủ Việt Nam đã xây dựng các đền thờ theo tín ngưỡng của họ. Trong đó có hai vị thần được họ tôn sùng nhất đó là Thiên Hậu nương và Quan Công. Hầu hết các địa phương có người Hoa sinh sống đều lập đền thờ Thiên Hậu và Quan Công. Cụ thể ở Phố Hiến có 2 đền Thiên Hậu (đền Thiên Hậu Thượng ở 56 đường Trung Trắc, phường Quang Trung, Tp Hưng Yên và đền Thiên Hậu Hạ ở đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, Tp Hưng Yên); Hội quán Đông Đô Quảng hội ở

đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, Tp Hưng Yên và đền Võ Miếu thờ Quan Công ở số 6 Trung Trắc, phường Quang Trung, Tp Hưng Yên. Ở Hà Nội có đền Thiên Hậu ở số 40 Lãn Ông, Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội. (Hội quán Phước Kiến đã bị chuyển đổi công năng thành trường tiểu học) đền Quan Đế ở số 28 phố Hàng Buồm, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội. Ở Nam Định có đền Thiên Hậu hay còn gọi là Phúc - Triều - Huệ Hội Quán (đền Sù Châu), ở số 1 Hàng Sắt và đền Quan Công Hội quán Quảng Đông ở phố Hoàng Văn Thụ, Tp Nam Định. Ở Thái Bình có đền Thiên Hậu ở xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (đền cũ đã hỏng và được xây dựng lại). Ở Hải Phòng có đền Thiên Hậu (đã bị hỏng không còn hoạt động, nằm trong khuôn viên chợ Tam Bạc, Tp Hải Phòng).

Ngoài Thiên Hậu và Quan Công ra, ở một số địa phương người Hoa cũng thờ thêm các vị thần khác. Ví dụ ở Hưng Yên trong Đông Đô Hội quán còn thờ thêm ba vị thần nữa là Thần Nông, Hoa Quang, Bảo Sinh Đại Đế (thần Y), nên nơi đây còn được gọi là đền Tam thánh. Bên cạnh đó trong các đền thờ Thiên Hậu ở Phố Hiến còn phối thờ các vị thần như Bà Mụ. Trong đền Thiên Hậu ở Nam Định phối thờ Bà Mụ, Nguyệt Lão.....

Trong quá trình khảo sát tại một số đền thờ của người Hoa khu vực đồng bằng Bắc Bộ chúng tôi tìm thấy một số văn bia, hoành phi câu đối, trong đó ghi nhận sự chung tay đóng góp của người Việt. Cũng như vậy, ở các ngôi đền, chùa của người Việt tại những địa phương này cũng còn lưu giữ những tấm bia ghi lại sự

đóng góp của cộng đồng người Hoa. Qua đó thấy được trong quá trình sinh sống chung, cộng đồng người Hoa và người Việt đã chủ động tiếp nhận văn hóa của nhau, giúp cho các tín ngưỡng dân gian của hai bên có nhiều cơ hội duy trì và phát triển cho đến ngày nay.

2. Quá trình tiếp nhận văn hóa bản địa của người Hoa

Quá trình người Hoa giao tiếp và tiếp nhận văn hóa người bản địa được thể hiện ở nhiều góc độ và được ghi lại ở các văn bia của các đình chùa người Việt từ rất sớm. Hiện tư liệu ghi chép về người Hoa quyên góp cho việc xây dựng đình chùa người Việt sớm nhất là vào đầu thế kỷ XVII. Cụ thể, văn bia chùa Thiên Ứng đường Phố Hiến, phường Hồng Châu (Hưng Yên) dựng năm 1709 (mặt 3) ghi lại cộng đồng người Hoa đã cùng người bản địa quyên góp tiền để xây dựng chùa. Theo nội dung văn bia, số người Hoa quyên góp tiền có tổng cộng là 58 người, với tổng số tiền là 81 quan tiền cổ 2 mạch, 4 quan tiền sử và 2 quan (không ghi rõ là tiền cổ hay tiền sử). Trong đó người quyên góp nhiều nhất là ông Quách Duy Tổ (10 quan tiền cổ), Hứa Minh Dương 8 quan tiền cổ, Lâm Vu Đăng (3 quan tiền cổ), Lâm Tín Trung 3 quan tiền cổ còn lại là 1 đến 2 quan tiền cổ hoặc 1 quan tiền sử¹. Đặc biệt khi ghi chép về những người Hoa công đức, văn bia còn ghi rõ họ là những người Hoa đến là người nước Đại Minh (Trung Quốc). Cụ thể mặt 3 văn bia ghi:

Các đệ tử là người các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông nước Đại Minh hỉ trợ công đức:

Lâm Vu Đăng (3 quan tiền cổ), Quách

Đình Hầu (1 quan tiền cổ).....

大明國,福建廣東各省井弟子助公德...

林于騰古錢二貫,郭鼎侯古錢一貫,
郭京(和)古錢 二貫.....

Có thể nói đây là một số tiền rất lớn của người Hoa công đức cho việc xây dựng chùa của người Việt lúc bấy giờ. Bởi theo nội dung văn bia, số tiền quyên góp của người Hoa lớn hơn rất nhiều so với sự đóng góp của người bản địa. Cụ thể số người Việt quyên góp trên 1 quan tiền cổ duy nhất có vợ chồng ông Dương Văn Đức, vợ là Vũ Thị Dương người xã Vĩnh Thế, huyện Siêu Loại quyên góp 1 quan 4 mạch tiền cổ và Phó sở sứ Nguyễn Tường, vợ là Ngụy Thị Nghiêu người xã Viên Ngoại, huyện Chương Đức đóng góp 9 mạch tiền cổ, 10 đấu gạo, trong khi đó người đóng góp nhiều nhất của nhóm người Hoa là 91 quan tiền cổ, gấp nhiều lần so với con số quyên góp nhiều nhất của người Việt. Điều đó có thể thấy những đóng góp của người Hoa lúc bấy giờ đóng một vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng cơ sở tín ngưỡng và văn hóa của người bản địa.

Văn bia chùa Kim Chung (còn gọi là chùa Chuông tọa lạc ở đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, Tp Hưng Yên) dựng năm 1711 mặt 2: Truyện cổ tích xã Nhân Dục (仁育社古跡傳) cũng ghi lại tổng cộng 17 người Hoa đóng góp, người nhiều nhất là 6 mạch, người ít nhất là 3 mạch, tổng số tiền là 66 mạch. Đồng thời phần đầu của đoạn ghi chép này cũng ghi rõ họ là những người nhà Minh.

Nước Đại Minh, chủ tàu Hải Nam, Thái Dịch Lăng 5 mạch. Chủ tàu Quảng Đông Hứa Vân Tường 5 mạch. Trưởng

tàu Hải Nam Diêu Tán Quan 6 mạch, đệ tử Quách Chính Thụy 6 mạch, đệ tử Đới Vạn Vinh 6 mạch, đệ tử Trần Thái Lai 6 mạch, đệ tử Thái Nam Thạch 6 mạch.../大明國,海南艚主,蔡奕朗五陌.廣東艚主許雲翔五陌.海南艚長姚贊觀六陌,弟子郭政瑞六陌,弟子戴萬榮六陌,弟子陳泰來六陌,弟子蔡南石六陌,.....²

Văn bia xây dựng đền thờ Tả Đô đốc Thiệu bảo Quận công tằng Thái bảo Anh linh vương họ Lê (鼎建左都督少保爵郡公贈太保英靈王黎公祠碑記英靈王太保黎公廟碑記) ở đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, Tp Hưng Yên, do Nho sinh người Trung Quốc quê huyện Tân Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, nguyên tàu trưởng tàu Hải Nam và Trần Đê Đào soạn năm 1723 là một văn bia tương đối đặc biệt. Toàn bộ văn bia không ghi chép lại số tiền quyên góp mà chủ yếu ca ngợi công đức của ông Lê Đình Kiên lúc sinh thời chăm lo cho cộng đồng người Hoa khi đến Phố Hiến làm ăn sinh sống. Do vậy sau khi ông mất đi, để ghi nhớ công ơn của ông họ đã quyên tiền thuê thợ góp sức xây đền tôn thờ ông: “Bọn chúng tôi là khách phương xa, đâu dám kể nhân sự quốc gia, chỉ nghĩ rằng, chúng tôi ngụ cư ở nước Nam đã lâu, được thấm nhuần công đức ơn trạch của Lê tướng công, thôi thúc nguyện vọng chân thành, lòng cảm nhớ da diết, không ngày nào nguôi, dẫu cho đời đời nối tiếp, ai cũng biết rõ việc ngày trước, đều đem lòng ái mộ vậy. Năm Giáp Thân (1704) tướng công châu trời, ngày đưa tang con trẻ không ca hát, xuân về chẳng hội hè, buồn như mất cha mất mẹ mình vậy. Cho nên chúng tôi ngưỡng mộ áo mũ những chẳng thấy dấu tiên, nhân thể tập hợp lòng thành riêng

dâng khải xin được xây đền để còn hương khói cầu tự. Vâng mệnh bề trên ưng thuận, bèn quyên tiền, mượn thợ cùng góp sức xây đền. Đền vừa khánh thành, anh linh thời hiện, ban phúc hiển ứng lại càng linh thiêng, lòng người chẳng những với ngày còn sống. Chúng tôi ngưỡng mộ đứng lại ngẩng trông, biết làm sao có thể nói hết nên lời, nhưng đây cũng chỉ là bia miệng tải đạo thì chỉ truyền được cho những người đương sống mà thôi/吾儕遐方過客,安敢屈指國家人事,惟是久寓安南深濡黎公之德澤恩意,有踴躍願望之微忱感念,維慙無日可去諸懷蓋雖再世奕生能具知前事猶存愛戴者焉. 公以甲申歲赴召寶籙,舉遐之日,童子不歌謠,春者不相杵,真如喪考妣焉. 由是吾儕仰慕衮衣,莫見飛鳥,因集私誠具啟請建祠宇少存禱祀.奉命許可,遂捐寶鳩工,共力成焉.廟成之後,英靈時現,聞者降福顯應更鍾,人心不啻生存之日.吾儕欣慕仰止何可言狀,惟是口碑載道盛傳此生已耳”³.

Như vậy có thể thấy, ở giai đoạn đầu thế kỷ XVIII, người Hoa đã có đóng góp rất lớn cho việc xây dựng và duy trì tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt tại Phố Hiến. Việc đóng góp này không chỉ đơn thuần là tiếp nhận một loại hình văn hóa mới giúp họ có thể hòa mình vào cùng dòng chảy của xã hội, cũng như ổn định tư tưởng yên tâm làm ăn sinh sống nơi đất khách, mà còn thể hiện rõ việc tri ân, uống nước nhớ nguồn với những người bản địa có công lao giúp đỡ họ khi họ đến làm ăn sinh sống ở đây. Vì vậy, sự đóng góp của cải vật chất của người Hoa trong các công trình tín ngưỡng của người Việt sẽ càng làm gia tăng sức mạnh đoàn kết giữa cộng đồng Hoa-Việt lúc đó.

Bước sang giai đoạn giữa thế kỷ XVIII, sự đóng góp của người Hoa vào tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Việt vẫn tiếp tục được duy trì. Văn bia *Tự thần bi kí Long quân điện phụng giám thủ bi kí* 祀神碑記龍君殿奉監守碑記, tại đình Cả Phố Hiến, dựng năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) ghi lại danh sách những người công đức tiền, trong đó có danh sách tên của 15 gia đình người Hoa đóng góp cho việc xây dựng đền. Cũng giống như văn bia miếu thờ Thái bảo Anh linh vương Lê Đình Kiên, văn bia ghi cả danh sách của người Việt, nên để phân biệt với người dân bản địa, trong văn bia còn ghi rõ là “Người nước Bắc” (tức là người Trung Hoa). Bao gồm: “Người nước Bắc: Trịnh Tiễn, vợ Lâm Thị Lộc, hiệu Diệu Đăng (Cai hợp); Đỗ Bình Cách tự Pháp Nghiêm vợ Lê Thị Xuyên hiệu diệu Thịnh; Quách Trợ Quan vợ La Thị Chi; Hoàng Ngoạn Quan, vợ Phạm Thị Nghìn; Tô Thuế Tú vợ La Thị Chi ... /北國,鄭銑妻林氏祿號妙燈(該合);杜平格字法嚴妻黎氏釗號妙盛;郭助官妻羅氏旨;黃玩官妻范氏蔚;蘇世秀并妻林鏞...”⁴.

Văn bia này có điều đáng chú ý, trong số gia đình người Hoa được ghi trong văn bia, có một số người Hoa lấy vợ là người Việt như: Hoàng Ngoạn Quan, vợ Phạm Thị Nghìn; Tô Hợp Quan vợ Nguyễn Thị Nghi; Hứa Đích Sơn tự Phúc Khải vợ Nguyễn Thị Tầm. Nên có thể nói, hôn nhân Hoa - Việt lúc bấy giờ cũng là một trong những cầu nối giúp cho mối quan hệ và sự tiếp nhận văn hóa của người Việt - Hoa trở nên thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Bên cạnh đó, nếu kết hợp với văn

bia chùa Chuông ở trên ghi chép danh sách người Hoa quyên góp cho việc xây chùa, thì chúng ta có thể hiểu rằng, ở giai đoạn đầu và giữa thế kỷ XVIII sự tiếp nhận văn hóa bản địa của người Hoa không chỉ ở dừng lại ở tín ngưỡng dân gian, mà họ đón nhận cả Phật giáo bản địa, coi đó là một văn hóa tinh thần cần thiết trong cuộc sống.

Đặc biệt, ở giai đoạn này, không chỉ tham gia đóng góp xây dựng các cơ sở thờ tự, người Hoa còn tiếp nhận văn hóa “mua hậu” (Hậu Thần, Hậu Phật) của người Việt. Cụ thể một người Hoa họ Mã đã được bầu làm Hậu Thần, Hậu Phật của làng khi bỏ tiền ra giúp dân làng. Văn bia *Hậu Thần Hậu Phật bi kí* 後神後佛碑記/ Văn bia ghi chép về Hậu Thần, Hậu Phật dựng năm 1768 tại Đình Cả ở thôn Xích Đằng, phường Lam Sơn ghi: “Phan Công ở hương Bách Khiếu, ty An Phố, đô Đình An huyện Nam Hải, phủ Quảng Đông, Quảng Châu của nước Đại Thanh, tự là Ngũ Hương, vợ là người hương Thủ Đằng, huyện Thuận Đức, bà họ Mã, hiệu Diệu Đại, sinh ra ở nước Nam nhưng gốc gác người phường Bắc (Trung Quốc) / Bản xã có việc khó khăn về tiền nong đã lâu, phí tổn không gánh được. May gặp bà Mã thị, dâu nhà họ Phan, với tấm lòng tựa Phùng Huyền mua nghĩa nhân từ thuận hậu chở một thuyền lúa, quyên góp gia tài giúp bản xã trả nợ. Xóm làng vui vẻ cùng tôn hai ông bà Phan công và Mã thị làm Hậu Thần, Hậu Phật của bản xã. Ông bà mở lòng quyên mấy sao ruộng tốt để duy trì điển lễ thờ cúng lâu dài. Ông bà lại dựng tháp tại bản chùa, ngày ngày kính cẩn thờ cúng, dựng bia tại đình trung, lưu ân

đức cho đời sau, biểu dương sự yêu mến đối với quê hương, vun dày phong tục tốt đẹp cho muôn đời/大清國,廣東廣州府,南海縣,鼎安都,江浦司,百滘鄉,潘公字五鄉,妻順德縣,水騰鄉,馬氏號妙大,身產南國,籍原北鄉.本仁慈以普接守節義而松筠,柏舟矢志,安淡冰心懿德.由來本衷閭範純乎,一已自應流風善信久為甘棠留碑.雨過,黃梅暘金莖而消渴.風搖,青麥含玉露以飛花.既沿般若之津,再種菩提之樹.茲本社向有官役錢債累被抽息損費難堪.幸遇潘門馬氏為馮瑗之市義,作麥舟之純仁捐囊完貸.鄉里同歡共叶尊保潘公,馬氏為本社後神後佛.再樂捐良田數高以永祀典,一塔立在本寺,時申致敬,一碑豎於亭中留思後代,以表鄉閭之遺愛,以垂萬世之休風徵.以為文付之碑勒庶與山河而不朽矣”⁵.

Cũng như vậy, cộng đồng người Hoa ở Nam Định tiếp nhận tín ngưỡng thờ dân gian của người Việt một cách tự nguyện thông qua giao lưu văn hóa. Qua khảo sát tại đền Nguyên Thương (tọa lạc ở số 477 Hàng Sắt, phường Quang Trung, Tp Nam Định) thờ Mẫu cai quản kho lương, tại ban tam toà Thánh Mẫu của người Việt còn lưu giữ hoành phi của người Hoa gốc Quảng Châu cung tiến năm 1882:

“Tìr vãn phố châu

Ngày lành tháng 11 năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Tự Đức.

Đệ tử chịu ơn ở cửa hiệu Nguyên Thịnh kính dâng.

Đệ tử là La Cẩm Tú, người Quảng Châu kính viết.

珠浦雲慈

嗣德壬午年仲冬下浣吉日.

沐恩信士源盛號敬酬.

廣州合邑羅錦繡沐手敬書”⁶.

Trên thực tế, người Hoa khi tha hương nơi đất khách, dù mới sang Việt Nam hay đã sinh sống ở Việt Nam một thời gian, về mặt tâm lý họ vẫn luôn tự nhận mình là người Trung Hoa, là khách thể nơi họ đang sinh sống, nên họ rất cần ổn định về mặt tâm lý, trong đó ngoài việc cố gắng nỗ lực cùng người dân bản địa làm ăn kinh tế, thì nhu cầu về tâm linh cũng là một nhu cầu rất thiết thực giúp họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Chính vì thế, ngoài tôn thờ những tín ngưỡng, tôn giáo của họ, việc tiếp thu tôn giáo tín ngưỡng của người bản địa sẽ càng giúp họ tự tin, yên tâm trong cuộc sống nơi đất khách, đồng thời thông qua đó khẳng định vị thế cũng như tăng cường các mối giao hảo, giúp họ có thể dễ dàng làm ăn buôn bán.

3. Quá trình tiếp nhận văn hóa người Hoa của người Việt

Cũng giống như người Hoa, quá trình cộng sinh với người Hoa, người bản địa đã tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Hoa. Điều này được thể hiện rất rõ trong một số văn bia ghi chép lại danh sách những người Việt công đức cho đền.

Việc tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Việt đầu tiên phải kể đến chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã cho phép người Hoa tự do duy trì tín ngưỡng của mình. Đặc biệt triều đình nhà Nguyễn, sau khi thống nhất đất nước còn ban sắc phong cho các đền thờ của người Hoa. Năm 2017, trong quá trình điền dã tại Thái Bình chúng tôi đã tìm thấy tại đền thờ Thiên Hậu ở xã Mỹ Lộc, huyện Thái

Thụy, tỉnh Thái Bình còn lưu giữ được một bản sắc phong vào thời Khải Định năm thứ 9 (năm 1925)⁷.



Ảnh: Sắc phong đền Thiên Hậu⁸

Việc tiếp nhận tín ngưỡng của người Hoa cũng được các quan lại địa phương ủng hộ và được ghi lại tại các văn bia của đền Thiên Hậu Thượng tại Phố Hiến. Văn bia được tìm thấy và được coi là sớm nhất có sự tiếp nhận tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của quan lại Việt Nam hiện nay là văn bia *Liên phương kính lục* 聯芳敬錄. Bia được dựng sau khi xây dựng lại đền Thiên Hậu Thượng vào thế kỷ XVIII. Trong đó ghi rõ việc một vị quan họ Lâm là Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Tuyên Quang xứ Tán trị Thừa chính sứ ty Thừa chính sứ, Đông Lĩnh bá Lâm Khả Cập, người làng Linh Đường huyện Thanh Trì đã có công quyên tiền và đất để xây dựng đền Thiên hậu Thượng⁹. Bia *Liên phương kính lục* ghi: Trước cung Thiên Hậu có một gò đất được các ông bà Lâm Nhượng Dao, Lương Nguyên Hòa, Lâm Thị Quan mua vậy. Trải qua bao năm tháng gò đất ấy dần dà trở nên hoang phế chưa có kiến trúc gì cả. Ông Thừa Chánh sứ họ Lâm vốn là người thích làm điều thiện, thấy tiếc cho gò đất hoang phế đó nên chẳng ngại gian khó muốn xây dựng thành Hội quán vậy. Tăng thêm tiền, mở rộng thêm đất để đón các thương nhân buôn bán đi qua lại/天后宮前有曠地一所, 係林若瑤, 梁元和林氏觀諸人賈焉. 累年

來俱置丘墟靡有建築. 承政使林翁者素行善人也, 惜地投閒欲不為勝勞建會館焉. 增其額, 廣其數, 俾客商往來”¹⁰.

Văn bia *Tập thiện hội bi kí* 集善會碑記 tại đền Thiên Hậu Thượng ở Phố Hiến cũng ghi lại danh sách những người Việt công đức. Trong tổng số 29 người quyên góp, hầu hết đều là các quan lại người Việt. Tập thiện hội bi kí ghi: Bản tỉnh Công sứ tòa Phùng Huy Lý, Hiệp quản Nguyễn Văn Thuận, Thông phán Trần Tự Phan, Nguyễn Văn Đức, Thông phán Hoàng Phúc Lợi, Kim Động Thông phán Lý Ích Khiêm vốn là Lý Ích Tiến, Thông phán Trần Như Ngọc, Phó quan Vũ Văn Chung.../本省公使座馮輝理, 協管阮文順, 通判陳自潘, 阮文德, 通判黃福利, 金洞通判李益謙, 原是李益進, 通判陳如玉, 副官武文鍾, 八品高輝楊...¹¹

Mặc dù trong bia này không ghi rõ số tiền công đức của mỗi người, tuy nhiên với danh sách các vị quan lại đương thời lên đến 29 người chứng tỏ tín ngưỡng thờ Thiên Hậu lúc bấy giờ thực sự có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội. Việc ủng hộ của tầng lớp quan lại không chỉ đơn thuần là quyên góp tiền bạc vật chất mà nó còn có tác dụng cổ vũ cộng đồng người Hoa tiếp tục duy trì tín ngưỡng của mình, đồng thời cũng thông qua đó sẽ nâng cao vị thế của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu với người dân bản địa. Đặc biệt, để nhấn mạnh tầm quan trọng của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở phần đầu của văn bia còn có một phần nói rõ nguyên nhân và mục đích quyên góp của họ: “Tùng nghe: Thần để người dựa, người quý ở thiện. *Kinh Dịch*

có nói: Làm điều thiện thì được giáng điều tốt lành. *Kinh Thư* có câu: Tích thiện thì dư giả không nhiều. Làm điều thiện nhiều thì là nghĩa nhiều vậy. Triều Trần miếu hiển vang đền thiên Thiên Hậu, mọi người sắp đặt cùng hưởng chung việc tế lễ, là thắng địa của Bắc Hòa. Đền thánh Thiên Hậu biển Bắc trời Nam, vạn xưa có tiếng linh rục rờ và mưa thuận gió hòa. Bốn mùa vẻ mang nhiên huyền diệu, giác ngộ muôn dân thuần phong mỹ tục. Người xưa khắp nơi được yên ổn, vật hưng thịnh, quần thần thì vui chơi ca hát. Ở trong cảnh tốt đẹp may mắn ấy, với tấm lòng cảm tạ thần phúc, bèn dốc lòng làm thành hội quyên góp thể hiện điều thiện. Quan Hiến sứ Nguyễn đại nhân vâng mệnh đề là hội tập thiện. Hội mỗi người cùng quyên bạc hai đồng, giữ số bạc này để lấy thờ cúng. Việc tập hợp điều phúc, nghênh tiếp điều may mắn (việc ngày tổ chức lễ hội vào mùa xuân, mùa thu) thống nhất là trời trong xanh, ngày tươi sáng/盖聞!神依於人,人寶惟善.易曰:作善降祥.書云:積善度甚矣,善富者也.陳朝顯廟宗后靈祠,人各設會享祀無惟北和之勝地.天后聖祠北海南天萬古靈聲赫赫,和風甘雨.四辰春色依依,覺斯民則風俗.古居方士則人康物興戎輩官遊宿旅歌於斯.考祥全吉多藉神僖爰同心力濟見善男爲設爲一會又成.官憲使阮大人命題其顏曰:集善會,會捐銀貳元放倩取銀以爲天晴日朗之需度使居是邦也顯是德 [.....] 于次”¹².

Cũng như vậy, một văn bia khác của đền Thiên Hậu Thượng do Nguyễn Tú Hiên soạn thảo cũng ghi tên những người công đức¹³. Căn cứ vào nội dung văn bia, ngoài một số người Hoa còn có

nhiều quan lại người Việt. Trong đó có 1 người quyên góp 20 đồng, 3 người quyên góp 10 đồng, 2 người quyên góp 05 đồng, 1 người quyên góp 04 đồng, 4 người quyên góp 03 đồng và 1 người quyên góp 02 đồng, tổng cộng là 58 đồng. Về lý do quyên góp, trong văn bia cũng ghi rõ việc góp tiền dùng để trùng tu đền thờ Thiên Hậu, nhằm cảm ơn công đức của Thiên Hậu thánh mẫu linh hiển phù giúp người dân bản địa. Đặc biệt, trong văn bia còn nhấn mạnh việc Thiên Hậu thánh mẫu đến Phố Hiến đã coi nơi đây là quê hương của Bà: “Thiên Hậu Thánh mẫu xuống trần coi đây là quê hương của mình vậy. Mở rộng phúc lớn để mở mang và xây dựng đền nay thật nguy nga, to lớn thay, khói hương nghi ngút đã trải qua hơn trăm năm rồi vậy. Theo sự thay đổi của thời gian mà cái rui cái mè đều bị mục nát không có người tu sửa. Chỉ còn lại đức lớn của Thánh mẫu là đã phủ khắp, giáo hóa điều lợi lạc khiến cho mọi người cùng ngửa trông, cùng bỏ công sức trùng tu. Thế là bèn tập hợp công sức của mọi người lại cùng nhau đồng lòng dốc sức tu bổ phòng ốc rục rờ trở thành một tòa cung mới to đẹp thay, lộng lẫy thay, để truyền lại cho muôn đời. Nói rằng: lập công đức đâu chỉ xem ở phòng ốc đã hoàn thành, mà phải khắc bài văn vào bia đá để ghi lại tên tuổi và công đức của những người đó. Ôi đức của thần minh vì thế được lưu truyền lại mãi mãi không bao giờ quên vậy. Thế là làm bài tựa.

Ngọc Phong Nguyễn Tú Hiên vâng mệnh soạn.

天后聖母下以兼敘桑梓者也自我廣福肇建以來巍然渠然瑞靄香煙經百

餘年矣。頃因辰變遷而懷桶頽然，其無修馬。惟聖德之弘，普均陶樂利肆同人之仰。共釭功重修爰集功衆謀諸革一乃心力用賁前功廠此新宮美哉輪美哉，奐傳之永世。曰立功聿觀廠成用銘于名碑其人事傳而仰藉。夫神明之德，所貽留者同垂于不朽云。是爲序，玉封阮秀軒奉撰”¹⁴。

Bên cạnh những văn bia ghi chép lại những quan lại địa phương quyên góp tiền công đức cho đền Thiên Hậu Thượng thì cũng có văn bia ghi chép lại những đóng góp của người dân cho việc trùng tu đền Thiên Hậu. Đặc biệt trong số 48 người công đức bao gồm cả người Hoa và người Việt thì có một số người đến từ Bắc Ninh, Ninh Bình. Trong đó có 2 người cúng tiền nhiều nhất là 40 đồng và người cúng tiền ít nhất là 1 hào. Tổng số tiền là 189 đồng 5 hào và 1 viên.

“Tháng 10 mùa Đông năm Kỷ Mùi, Hội Tập thiện trùng tu lại Hội quán bao gồm: Đài điện ở hai bên phải trái miếu, các đồ tế tự. Và vãng mệnh ghi tên tuổi của các quan viên quý chức cùng các tín nữ thập phương quyên góp được số tiền là mấy nghìn. Xin được ghi danh thom khắc vào trong bia đá gồm: Phu nhân của quan Kinh lược Đại thần là bà họ Phạm cúng tiền số tiền là 5 đồng; đệ nhị Phu nhân họ Phạm là 10 đồng. Phu nhân của quan Tuần phủ là bà họ Nguyễn cúng tiền là 40 đồng; thân mẫu của quan Án sát tỉnh là bà Nguyễn Thị Thư cúng tiền 5 đồng/歲次己[...]孟冬,集善會重修大會館,臺殿廟左右廡及祀器守項奉題官員貴職與十方信女樂捐銀數千請記芳名于石碑計經略大臣夫人范計供五元,第二夫人范供元銀拾,本省巡撫阮夫人供銀四十元,本省按察親母阮氏書供銀五元...”¹⁵。

Như chúng ta đã biết, Thiên Hậu vốn là một vị thần biển, nếu xét về thực tế, Thiên Hậu không phải là vị thần phù hợp với người dân vùng Phố Hiến, vì cuộc sống của người dân nơi đây chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, họ không giống như những ngư dân vùng biển, hay những thương gia người Hoa buôn bán thường xuyên phải đi lại trên biển. Cuộc sống trên biển luôn phải đối mặt với những khó khăn hoạn nạn bất ngờ nên việc tôn thờ một vị thần biển là điều làm họ yên tâm, vượt qua khó khăn. Còn đối với những người dân thuần túy làm nghề nông nghiệp, việc tôn thờ một vị thần biển không phải là quan trọng nhất. Tuy nhiên, qua khảo sát các văn bia ở trên chúng ta thấy, sau khi người Hoa mang tín ngưỡng thờ Thiên Hậu đến Phố Hiến, không chỉ người dân sinh sống ở đây, mà các quan lại bản địa cũng đã chủ động tiếp nhận tín ngưỡng Thiên Hậu, coi tín ngưỡng Thiên Hậu là một tín ngưỡng của cộng đồng bản địa, không còn phân biệt tín ngưỡng này là tín ngưỡng ngoại lai. Nên có thể nói, trong tâm thức của họ vai trò thần biển của Thiên Hậu đã không còn là chủ yếu, mà thay vào đó là vị phúc thần bảo vệ người dân. Do đó, việc quyên góp của người dân và các quan lại người Việt hoàn toàn với những mục đích như: làm thiện để tích đức; cầu mong Thiên Hậu phù hộ cho mưa thuận gió hòa.

Ở khu vực Hà Nội, tại Hội quán Việt Đông 粵東會館 (số 22 Hàng Buồm, Hoàn Kiếm) cũng có một số văn bia ghi lại danh sách người Việt đóng góp. Trong đó văn bia xây hội quán năm 1803 *Định kiến hội quán thêm để lục* 鼎建會館簽題錄. Văn bia này được dựng vào năm Gia Long thứ 2 (1803),

do Lương Đình người Đà Châu huyện Thuận Đức viết. Trong đó số người quyền tiền xây dựng hội quán chủ yếu là các thương gia người Hoa, số người Việt quyền góp rất ít chỉ có 2 người, đó là ông Trần Hữu Nghĩa 4 lạng bạc (陳友義銀肆兩) và ông Phạm Văn Thám 2 lạng 7 chỉ 7 phân bạc (范文探銀兩兩七錢七分)¹⁶. Điều này cũng rất dễ hiểu, vì người Hoa đến Hà Nội tương đối muộn, Theo Đinh Khắc Thuân, mãi đến thời Nguyễn khi thương điểm ở Phố Hiến kết thúc thì phần lớn người Hoa ở Phố Hiến chuyển lên Hà Nội sinh sống. Do đó khu vực cửa Đông Thăng Long vào những năm đầu thời Nguyễn có lượng lớn người Hoa định cư, hình thành các phố người Hoa như phố Quảng Đông, phố Phúc Kiến và phố Triều Châu¹⁷. Họ bắt đầu xây dựng Hội quán Quảng Đông năm Gia Long thứ 2 (1803) nay ở phố Hàng Buồm và Hội quán Phúc Kiến năm Gia Long thứ 16 (1817) nay ở phố Lãn Ông. Như vậy ở giai đoạn này tuy người Việt ở Hà Nội và người Hoa có sự giao tiếp với nhau, nhưng người Việt chưa có cơ hội tiếp xúc với những tín ngưỡng dân gian của người Hoa nên việc ủng hộ của người Việt với tín ngưỡng người Hoa sẽ không nhiều như ở Phố Hiến.

Qua đó ta thấy, trong quá trình cộng sinh với người Việt, người Hoa đã có những đóng góp kinh tế cho các công trình xây dựng của người Việt. Tuy số lượng người quyền góp và số tiền tùy thuộc từng địa phương và từng thời điểm khác nhau, nhưng việc ủng hộ của người Việt cũng đã minh chứng cho sự tiếp nhận, cũng như việc tiếp sức cho tín ngưỡng dân gian của người Hoa không

chỉ là đơn thuần là vật chất, mà còn có cả tinh thần.

4. Thay lời kết

Như chúng ta đã biết, trong xã hội truyền thống tín ngưỡng dân gian giữ một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, nó không chỉ được tầng lớp quân chủ, quan lại công nhận mà còn được cổ vũ và coi trọng, việc thờ cúng thần linh ngoài cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa mà còn có ý nghĩa uống nước nhớ nguồn, do vậy nó được chính tầng lớp quân chủ và quan lại bảo hộ. Điều này thể hiện rất rõ trong việc cúng tế hàng năm cũng như ban sắc phong và phân loại theo cấp độ Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Hạ đẳng thần của các bậc quân vương. Do vậy trong xã hội truyền thống, cho dù ở bất kỳ điều kiện nào, thì tín ngưỡng dân gian vẫn giữ được vị trí quan trọng trong xã hội.

Đối với người dân, dưới tác động của nhà các bậc quân chủ và quan lại, cũng như nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng dân gian giữ một vị trí quan trọng trong đời sống của họ. Việc thờ cúng thần linh là việc của cộng đồng không phải là việc riêng của cá nhân. Mọi thành viên sinh sống trong cộng đồng đều có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau. Các hoạt động cúng tế đều có sự thống nhất và đóng góp của cộng đồng, do đó về cơ bản tín ngưỡng dân gian còn có tính cộng đồng cao, nên việc cùng nhau tham gia tổ chức, duy trì và phát triển mang tính đoàn kết cũng như thể hiện vai trò vị thế của mỗi thành viên khi tham gia.

Người Hoa cũng như người Việt, vốn có sự tương đồng về tính đa thần, các vị thần được người Hoa tôn thờ cũng

rất đa dạng và đều mang tính thiết thực với nhu cầu đời sống. Về cơ bản khi di cư sang Việt Nam, người Hoa lấy nguyên mô hình thờ cúng thần linh của họ ở cố quốc để tôn thờ các vị thần của mình, đặc biệt là những vị thần như Thiên Hậu và Quan Công, Hoa Quang (Thần Y), Thần Nông. Về cơ bản, các hệ thống thần linh của người Hoa đã có thể đáp ứng đủ về nhu cầu tâm linh của họ. Tuy nhiên, trong quá trình cộng cư với người Việt, người Hoa vẫn chủ động tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Việt. Điều này phản ánh ở một số vấn đề chính như sau:

Với thân phận ngụ cư (khách) một vị trí thấp hơn với người bản địa, đây là điều thường thấy trong xã hội cũ, họ không có nhiều quyền lợi cũng như không có tiếng nói trong cộng đồng, do vậy họ rất muốn có được sự công nhận cũng như có tiếng nói trong cộng đồng. Việc đóng đền việc xây dựng, trùng tu các ngôi đền, chùa vừa thể hiện thành ý tiếp nhận văn hóa bản địa để giao lưu, đồng thời cũng không ngoài mục đích thông qua đó thể hiện vai trò thành viên của cộng đồng, cũng có trách nhiệm và nghĩa vụ như người bản địa, từ đó xóa đi định kiến chủ - khách. Nói cách khác sự tiếp nhận văn hóa bản địa của người Hoa chính là quá trình tự bản địa hóa của người Hoa trong quá trình cộng sinh tại Việt Nam.

Bên cạnh đó việc đóng góp này còn bao hàm cả việc uống nước nhớ nguồn đối với những người đã có công giúp đỡ họ ổn định cuộc sống khi di cư sang Việt Nam. (Điều này có thể thấy rõ trong văn bia xây dựng đền thờ tướng công Lê

Đình Kiên ở Hưng Yên.) Ngoài ra, việc tiếp nhận tín ngưỡng dân gian bản địa của người Hoa cũng phản ánh rõ nhu cầu tiếp nhận tín ngưỡng mới nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh, giúp họ yên tâm làm ăn sinh sống và đối mặt với những thách thức trong cuộc sống nơi đất khách.

Đối với người Việt với tư cách là chủ nhà về cơ bản người Việt cũng đã có đầy đủ những vị thần linh cần thiết có thể đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của mình. Những tín ngưỡng người Hoa mang tới tuy cũng rất gần gũi với người Việt như Thần Nông, Quan Công, Thần Y, v.v..., nhưng cũng có những tín ngưỡng không thực sự phù hợp với người Việt như Thiên Hậu hay Bạch Mã. Với tư cách là người bản địa, người Việt có quyền từ chối và loại trừ những tín ngưỡng này trong cộng đồng của mình, nhưng người Việt đã tiếp nhận nó như một sự bao dung. Họ tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Hoa, đồng nghĩa người Việt bản địa đã chấp nhận sự tồn tại bình đẳng của cộng đồng người Hoa.

Trên thực tế, tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa không xa lạ với người Việt bởi trước đó đã có nhiều tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa truyền sang Việt Nam và được người Việt đón nhận. Song việc đón nhận này ít nhiều đều có sự khúc xạ để phù hợp với văn hóa và nhu cầu bản địa. Lần tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Hoa lần này cũng không ngoại lệ. Người Việt khi tiếp nhận tín ngưỡng dân gian của người Hoa đã chọn lọc và loại bỏ những công năng không phù hợp với mình. Cụ thể tín

ngưỡng thờ Thiên Hậu vốn là tín ngưỡng thờ thần biển, với cư dân khu vực không gần biển như Hưng Yên, Hà Nội thì nhu cầu thờ thần biển là hoàn toàn không có, nhưng tại sao họ vẫn tiếp nhận? Về cơ bản, khi tiếp nhận tín ngưỡng này, người Việt đã loại bỏ yếu tố thần biển và coi đó là vị phúc thần có thể phù trợ cho người dân, đồng thời coi đó là một vị thần của cộng đồng bản địa. (Điều này đã được ghi rõ trong văn bia trùng tu đền Thiên Hậu Thượng được dẫn chứng ở phần trên). Như vậy ta thấy, trong quá trình tiếp nhận, người Việt đã bản địa hóa tín ngưỡng của người Hoa. Nói cách khác tín ngưỡng dân gian của người Hoa đã bị Việt hóa từ góc nhìn và cách tiếp cận của người bản địa.

Bên cạnh đó, việc tiếp nhận tín ngưỡng dân gian do cộng đồng người Hoa mang đến ngoài mục đích đoàn kết các nhóm tộc người trong cộng đồng như đã nêu trên còn phản ánh rõ bản chất đa thần của người Việt. Người Việt tiếp nhận tín ngưỡng mới chính là làm tăng thêm việc đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ, giúp họ càng thêm vững tâm đối mặt với khó khăn trong cuộc sống.

Có thể nói, việc tiếp nhận văn hóa dân gian giữa hai cộng đồng Hoa - Việt có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bên cạnh lợi ích giúp hai nhóm ổn định cùng nhau phát triển, thì việc tương trợ về mặt kinh tế đã giúp cho các tín ngưỡng dân gian của cả hai nhóm cộng đồng có cơ hội tiếp tục duy trì và phát triển. Đặc biệt đối với cộng đồng người Hoa, việc hỗ trợ của cộng đồng người Việt không chỉ về mặt kinh tế, nó còn rất có ý nghĩa về mặt tinh thần, người Hoa sẽ cảm

nhận được sự đồng cảm và tôn trọng của người dân địa phương đối với những người tha hương như họ, từ đó giúp họ có thêm niềm tin vào cộng đồng, cũng như tiếp tục duy trì văn hóa của riêng mình./.

B.Q.H

Chú thích

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*, Công ty Cổ phần In và Thương mại Hưng Yên, Hưng Yên, tr.142-143.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*, bđd, tr.84-85.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*, bđd, tr.260.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*, bđd, tr.23.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*, bđd, tr.29-30.

6. Nguồn tư liệu: Nguyễn Xuân Cao, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Nam Định cung cấp.

7. Ở các địa phương khác do nhiều lý do khác nhau nên hiện không còn lưu giữ được sắc phong. Tuy vậy việc tìm thấy một bản sắc phong ở đền Thiên Hậu Thái Bình đã được coi là minh chứng cụ thể cho việc chính quyền nhà Nguyễn công nhận sự tồn tại của tín ngưỡng dân gian của người Hoa.

8. Ảnh: Tác giả chụp ngày 7 tháng 8 năm 2017.

9. Việc xác định niên đại văn bia vào thế kỷ 18, bởi qua khảo sát văn bia *Kiến lập miếu vũ hưng công hội chủ bi ký* Cảnh Hưng thập tứ niên tạo (năm 1779) cũng ghi tên của

ông Lâm Khả Cập quyền góp.

10. Nguồn tư liệu: Nguyễn Mạnh Hà cán bộ phòng Nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên cung cấp.

11. Nguồn tư liệu: Nguyễn Mạnh Hà cán bộ phòng Nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên cung cấp.

12. Nguồn tư liệu: Nguyễn Mạnh Hà cán bộ phòng Nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên cung cấp.

13. Bìa này cũng không ghi năm, tuy nhiên dựa vào nội dung văn bia có thể suy đoán văn bia này thuộc thời Nguyễn vì trong văn bia ghi một số người có chức vị là quan Án sát. Đây là chức quan của thời Nguyễn do vua Gia Long lập ra. Án sát là chức quan đứng ở vị trí thứ ba trong ba chức quan đầu tỉnh, ở dưới Tổng đốc (tỉnh lớn) hoặc Tuần phủ (tỉnh nhỏ) và Bố chánh. Án sát phụ trách việc xử án, chủ yếu là về hình sự.

14. Nguồn tư liệu: Nguyễn Mạnh Hà Cán bộ phòng Nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên cung cấp.

15. Nguồn tư liệu: Nguyễn Mạnh Hà cán bộ phòng Nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên cung cấp.

16. Tham khảo 丁克順 葉少飛 黎氏梅集<越南華人碑銘集錦>《南方華裔研究雜誌》2021 第九卷 tr. 146.

17. Đinh Khắc Thuân (2021), “Chính

sách và cách ứng xử của triều đình Lê, Nguyễn với người Hoa ở Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (168), tr.80.

Tài liệu tham khảo

I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Lê Huy Đức (2020), *Cộng đồng người Hoa ở thành phố Hải Phòng (1888-1980)*, Luận văn thạc sỹ Lịch sử.

2. Nguyễn Khắc Hào, Nguyễn Đình Nhã: *Phố Hiến*, NXB. Khoa học Xã hội, H.2014

II. Tài liệu nước ngoài

3. 阮榮福著, 葉少飛譯, 王嘉審校 (2021), 〈華人與河內商業街區的形成〉, 《南方華裔研究雜誌》, 第九卷.

4. 張濯清, 黎氏梅 (2021), 〈18 世紀安華人移民家族及其文化形態——以《羅塔洲重脩公亭碑》1為線索〉, 《南方華裔研究雜誌》, 第九卷.

5. 葉少飛 (2021), 〈誠薦馨香：越南阮朝河內的關帝信仰〉, 《南方華裔研究雜誌》, 第九卷.

6. 裴光雄 (2020), 〈十六世紀至二十世紀初華商對越南興安省天后信仰起源及發展之研究〉《媽祖信俗研究學刊》.

7. Đinh Khắc Thuân (2021), CHINESE CHARACTER STELAE OF THE CHINESE IN HANOI, Chinese Southern Diaspora Studies, Volume 9.